

Bản án số: 15/2021/DS - ST
Ngày 06 - 4 - 2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Mơ và ông Điều Nhót.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Lê Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2020/TLST- DS ngày 01 tháng 6 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST- DS ngày 04 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2021/QĐST – DS ngày 19/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng C.

Trụ sở: Số 02, đường L, phường TC, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện cho Ngân hàng C: Ông Phạm Văn T – Giám đốc chi nhánh Ngân hàng C huyện Đắc Song là người đại diện theo ủy quyền theo Quyết định ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số: 2965/QĐ – NHN_O - PC ngày 27/12/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng C – có mặt.

Địa chỉ: Tổ 3, thị trấn Đ, huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích Th, sinh năm 1978. vắng mặt lần 2 không lý do.

Địa chỉ: Thôn Thuận T, xã Thuận H, huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 5 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Phạm Văn T người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/7/2019 bà Nguyễn Thị Bích Th có làm đơn vay Ngân hàng C – chi nhánh Đắc Song, tỉnh Đắc Nông để phục hồi chăm sóc cà phê, tiêu số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) tại hợp đồng tín dụng số: 5305 – LAV – 201901942 ngày 30/7/2019, hạn trả cuối cùng vào ngày 30/7/2022, với thời hạn vay 36 tháng, lãi suất vay là 12%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm

chuyển nợ quá hạn. Theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, bà Th sẽ phải thanh toán tiền gốc và lãi vay ngân hàng theo hình thức: Trả gốc 03 lần, kỳ thứ nhất ngày 30/7/2020 số tiền 20.000.000 đồng, kỳ thứ hai ngày 30/7/2021 số tiền 40.000.000 đồng, kỳ thứ ba ngày 30/7/2022 số tiền 40.000.000 đồng, trả lãi theo định kỳ 06 tháng 01 lần. Ngân hàng C đã nhiều lần làm việc, tạo điều kiện để bà Th thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng phía bị đơn tiếp tục vi phạm cam kết, không thanh toán nợ vay cho nguyên đơn kể từ ngày 30/01/2020, có biểu hiện trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu cụ thể đối với bị đơn: Ngân hàng C yêu cầu Tòa án buộc bà Th phải trả cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc là: 100.000.000 đồng, và tiền lãi trong hạn 18.608.219 đồng, tiền lãi quá hạn gốc là 2.465.753 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Sau ngày 6/4/2021 Ngân hàng C – chi nhánh Đắk Song, tỉnh Đắk Nông yêu cầu tiếp tục tính lãi theo quy định hợp đồng tín dụng đã ký.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích Th: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Thuận H nơi bà Th có đăng ký hộ khẩu thì được công an xã thông tin bà Th có đăng ký hộ khẩu tại địa phương nhưng đã đi khỏi địa phương, khi đi cũng không khai báo với chính quyền địa phương. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án đối với bị đơn và yêu cầu nguyên đơn thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Tuy nhiên, bị đơn vẫn không có thông tin gì. Vì vậy, Tòa án không tiến hành lấy lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải được vụ án nên quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến khi Hội đồng xét xử (HĐXX) đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Bị đơn bà Th vắng mặt từ khi thụ lý đến khi xét xử đã được Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng cũng như thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng bị đơn bà Th vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chấp hành tốt, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích Th trả cho Ngân hàng C số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn, quá hạn theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Bích Th tiếp tục chịu lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số: 5305 – LAV – 201901942 ngày 30/7/2019 như đã thỏa thuận trong hợp đồng đối với số tiền gốc chưa thi hành kể từ ngày 07/4/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Về các vấn đề khác đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến khắc phục khác: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích Th phải trả số tiền 100.000.000 đồng, và tiền lãi trong hạn 18.608.219 đồng, tiền lãi quá hạn gốc là 2.465.753 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Bà Th có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Thuận H, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự (BLTTDS).

Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Th có địa chỉ tại: Thôn Thuận T, xã Thuận H, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Về thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng C và bà Th được ký kết vào ngày 30/7/2019, thời hạn trả nợ ngày 30/7/2022, tuy chưa đến hạn trả nợ nhưng bà Th vi phạm thời hạn trả nợ định kỳ do đó nguyên đơn có quyền khởi kiện bị đơn để thu hồi toàn bộ số tiền nợ theo hợp đồng. Do vậy không vi phạm thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 429 của Bộ luật dân sự.

Về hình thức và nội dung của hợp đồng: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng C và bà Th có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản bổ sung.

[2] Về chấp hành pháp luật của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tổng đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173, Điều 179, Điều 180 BLTTDS. Qua xác minh tại địa phương nơi bà Th cư trú xác định, có Hộ khẩu và sinh sống tại địa phương nhưng đi làm ăn đâu không rõ, khi đi không khai báo với chính quyền địa phương, không thay đổi nơi cư trú, không thông báo tạm vắng tại địa phương, không thông báo địa chỉ nơi cư trú mới cho nguyên đơn, vì vậy chính quyền địa phương và nguyên đơn không xác định được nơi sinh sống và làm việc hiện nay của bà Th.

Toà án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho bà Th.

Khoản 2 Điều 5 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định:

Khoản 2 Điều 5: “Người khởi kiện đã cung cấp địa chỉ “nơi cư trú, làm việc, hoặc nơi có trụ sở” của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho Tòa án theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn tại khoản 1 Điều này tại thời điểm nộp đơn khởi kiện mà được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, xác nhận hoặc có căn cứ khác chứng minh rằng đó là địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì được coi là đã ghi đúng địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.”

Điều 6:

“2. Trường hợp sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không còn cư trú, làm việc hoặc không có trụ sở tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp thì Tòa án giải quyết như sau:

a) Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Theo tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp thể hiện người trực tiếp vay tiền và ký kết hợp đồng tín dụng là bà Th, vì vậy bà Th phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho ngân hàng, nhưng bà Th không thực hiện nghĩa vụ theo đúng nội dung thỏa thuận của hai bên, vắng mặt tại địa phương mà không thông báo cho chính quyền địa phương, không thông báo địa chỉ mới cho ngân hàng, do đó xác định bà Th cố tình giấu địa chỉ. Tòa án nhân dân huyện Đăk Song thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa bà Th lần thứ hai vắng mặt. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc bị đơn không chấp hành pháp luật được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 70, Điều 72 của BLTTDS.

[3] Xét nội dung tranh chấp: Về nội dung Hợp đồng tín dụng: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số: 5305 – LAV – 201901942 ngày 30/7/2019, số tiền vay là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*); Thời hạn vay: 4 năm (từ ngày 30/7/2019 đến ngày 30/7/2022); Mục đích vay: Phục hồi chăm sóc cà phê; Lãi suất tại thời điểm vay là 12%/năm.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng thể hiện dưới hình thức văn bản, thể hiện sự tự nguyện, tự thỏa thuận giữa bên cho vay là Ngân hàng C và bên vay bà Th. Hợp đồng tín dụng đã thể hiện rõ về mức cho vay, phương thức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, trả nợ gốc và lãi vốn vay, quyền và nghĩa vụ của bên cho vay; đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016.

[4] Về yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc: Căn cứ hợp đồng tín dụng số: 5305 – LAV – 201901942 ngày 30/7/2019 đã ký kết, bà Th sẽ phải thanh toán tiền gốc và lãi vay Ngân hàng theo hình thức: Trả gốc 03 lần, kỳ thứ nhất ngày 30/7/2020 số tiền 20.000.000 đồng, kỳ thứ hai ngày 30/7/2021 số tiền 40.000.000 đồng, kỳ thứ ba ngày 30/7/2022 số tiền 40.000.000 đồng tuy nhiên đến hạn trả nợ kỳ đầu tiên bà Th không trả gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho Nguyên đơn. Như vậy thời điểm trả nợ của bị đơn vi phạm vào ngày 30/7/2020, nguyên đơn đã nhiều lần làm việc trực tiếp với bị đơn, nhưng bị đơn vẫn không thanh toán được cả phần đến hạn và phần chưa đến hạn theo hợp đồng. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện bị đơn ra Tòa án nhân dân huyện Đắk Song yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng theo hợp đồng là có căn cứ cần chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu thanh toán tiền nợ lãi trong hạn, quá hạn, lãi phạt chậm trả của nguyên đơn đối với bị đơn: HĐXX xét thấy tại hợp đồng tín dụng số: 5305 – LAV – 201901942 ngày 30/7/2019 đã ký kết nguyên đơn giải ngân cho bị đơn thì lãi suất cho vay là 12%/năm áp dụng từ ngày vay 30/7/2019 đến ngày 30/7/2022, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bị đơn chưa trả cho nguyên đơn số tiền lãi trong hạn, quá hạn, vì vậy tính lãi như sau:

[5.1] Lãi trong hạn của số tiền vay 100.000.000 đồng: tính từ ngày 30/7/2019 đến ngày 30/7/2020 là 18.608.219 đồng, lãi suất cho vay 12%/năm, số ngày tính lãi 366 ngày = $100.000.000 \text{ đồng} \times 12\%/\text{năm} \times 366 \text{ ngày} = 12.032.877 \text{ đồng}$.

Lãi trong hạn của số tiền 80.000.000 đồng: tính từ ngày 30/7/2020 đến ngày 06/4/2021 là 6.575.342 đồng, lãi suất cho vay 12%/năm, số ngày tính lãi 250 ngày = $80.000.000 \text{ đồng} \times 12\%/\text{năm} \times 250 \text{ ngày} = 6.575.342 \text{ đồng}$.

[5.2] Về yêu cầu tính lãi quá hạn: Lãi quá hạn của số tiền gốc 20.000.000 đồng: $12\%/\text{năm} \times 150\% = 18\%/\text{năm}$: Ngày vi phạm bắt đầu tính từ ngày 30/7/2020 đến ngày xét xử 6/4/2021 là 250 ngày: $20.000.000 \text{ đồng} \times 18\%/\text{năm} \times 250 \text{ ngày} = 2.465.753 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn bà Th phải trả là 121.073.973 đồng.

[6] Bà Th phải tiếp tục chịu thêm lãi suất phát sinh từ ngày 07/4/2021 theo Hợp đồng tín dụng số: 5305 – LAV – 201901942 ngày 30/7/2019 cho đến khi thi hành án xong các khoản nợ trên.

[7] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: số tiền 6.025.000 đồng, nguyên đơn phải chịu và nguyên đơn đã chi phí số tiền trên và nộp Phiếu thu ngày 09/12/2020 tại Cơ quan thường trú Đài tiếng nói Việt Nam khu vực Tây Nguyên; Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 15/12/2020 của báo nhân dân.

[9] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 121.073.973 đồng x 5% = 6.053.699 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Hoàn trả Nguyên đơn số tiền 2.738.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Song theo biên lai số 0001690, ngày 29/5/2020.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 180; Điều 184; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 410; Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C

Buộc bà Nguyễn Thị Bích Th phải trả cho Ngân hàng C tổng số tiền cả gốc và lãi là 121.073.973 đồng (Một trăm hai mươi một triệu không trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng), trong đó 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi trong hạn là 18.608.219 đồng (mười tám triệu sáu trăm linh tám nghìn hai trăm mười chín đồng), tiền lãi quá hạn 2.465.753 đồng (Hai triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng), thời hạn tính tiền lãi tính đến ngày 06/4/2021).

Kể từ ngày 07/4/2021, bà Nguyễn Thị Bích Th tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận như hai bên ký kết theo hợp đồng tín dụng số: 5305 – LAV – 201901942 ngày 30/7/2019 tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

Về án phí: **Án phí dân sự sơ thẩm là 6.054.000 đồng (làm tròn số), buộc** bà Nguyễn Thị Bích Th **phải chịu toàn bộ số tiền trên.**

Hoàn trả cho Ngân hàng C (Ngân hàng C chi nhánh huyện Đắk Song) số tiền 2.738.000 đồng (Hai triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001690 ngày 29/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA DS huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Huệ